

KẾ HOẠCH

Duy trì và nâng cao vị thứ xếp hạng Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh năm 2020

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CỦA TỈNH NĂM 2019

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (Chỉ số PAPI) của tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp khoảng 240 người dân tại 12 thôn, tổ dân phố thuộc 6 xã, phường, thị trấn (gồm: xã Phong Sơn, thị trấn Phong Điền thuộc huyện Phong Điền; xã Hương Thọ, phường Tứ Hạ thuộc thị xã Hương Trà; phường Vĩnh Ninh và Võ Dạ thuộc thành phố Huế) với hơn 500 câu hỏi về nhiều vấn đề chính sách của Việt Nam.

Chỉ số PAPI được thực hiện trong năm 2019, bao gồm 8 chỉ số nội dung (gồm: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định; Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công; Quản trị môi trường và Quản trị điện tử), với 28 chỉ số nội dung thành phần và hơn 95 tiêu chí chính.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂM 2019

Giai đoạn từ năm 2018 - 2019, kết quả đánh giá Chỉ số PAPI của tỉnh Thừa Thiên Huế diễn biến cụ thể như sau:

(Theo Báo cáo của PAPI 2019, tổng số điểm được đánh giá của 63 tỉnh, thành phố được xếp hạng theo thứ tự của 4 nhóm: 16 tỉnh, thành đạt điểm cao nhất; 16 tỉnh, thành đạt điểm trung bình cao; 15 tỉnh, thành đạt điểm trung bình thấp và 16 tỉnh, thành đạt điểm thấp nhất).

TT	Chỉ số nội dung đánh giá	Năm 2018		Năm 2019	
		Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	4,85	54	5,24	17
1.1	Tri thức công dân tham gia	0,89		0,79	
1.2	Cơ hội tham gia	1,51		1,55	
1.3	Chất lượng bầu cử	1,66		1,63	
1.4	Đóng góp tự nguyện	0,79		1,28	
2	Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định	5,40	22	5,29	37
2.1	Tiếp cận thông tin			0,87	

2.2	<i>Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo</i>	1,83		1,78	
2.3	<i>Công khai, minh bạch ngân sách cấp xã</i>	1,48		1,37	
2.4	<i>Công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất/giá đất</i>	1,28		1,27	
3	Trách nhiệm giải trình với người dân	4,38	62	5,46	2
3.1	<i>Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền</i>	1,77		2,06	
3.2	<i>Đáp ứng kiến nghị của người dân</i>	0,69		1,36	
3.3	<i>Hiệu quả Ban Thanh tra nhân dân</i>	1,92		2,04	
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	6,76	18	6,72	38
4.1	<i>Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương</i>	1,80		1,66	
4.2	<i>Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công</i>	2,03		2,13	
4.3	<i>Công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công</i>	1,08		1,01	
4.4	<i>Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương</i>	1,85		1,92	
5	Thủ tục hành chính công	7,37	35	7,2	47
5.1	<i>Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền</i>	1,76		1,82	
5.2	<i>Thủ tục cấp phép xây dựng</i>	1,87		1,73	
5.3	<i>Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i>	1,84		1,76	
5.4	<i>Thủ tục hành chính ở cấp xã/phường</i>	1,90		1,89	
6	Cung ứng dịch vụ công	7,00	38	7,52	9
6.1	<i>Y tế công lập</i>	2,05		2,10	
6.2	<i>Giáo dục tiểu học công lập</i>	1,28		1,72	
6.3	<i>Cơ sở hạ tầng căn bản</i>	2,16		2,24	
6.4	<i>An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư</i>	1,52		1,46	
7	Quản trị môi trường	4,79	21	4,11	10
7.1	<i>Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường</i>	2,10		0,97	
7.2	<i>Chất lượng không khí</i>	1,91		2,17	
7.3	<i>Chất lượng nước</i>	0,78		0,97	
8	Quản trị điện tử	2,65	53	4,31	8
8.1	<i>Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương</i>	0,56		0,43	
8.2	<i>Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương</i>	2,09		1,95	
8.3	<i>Phản hồi của cơ quan địa phương trên mạng Web của tỉnh</i>			1,93	
Tổng hợp		43,2	43	45,86	5

Theo kết quả đánh giá, trong năm 2019, Chỉ số PAPI của tỉnh Thừa Thiên Huế đạt 45,86/80 điểm, xếp vị thứ 5/63 tỉnh, thành phố (tăng 2,66 điểm và tăng 38 bậc so với năm 2018), nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt điểm cao nhất của cả nước; trong đó:

- Vị thứ của 5/8 chỉ số nội dung có tăng bậc so với năm 2018, bao gồm: *Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Trách nhiệm giải trình với người dân; Cung ứng dịch vụ công; Quản trị môi trường; Quản trị điện tử.*

- Vị thứ của 3/8 chỉ số nội dung có giảm bậc so với năm 2018, bao gồm: *Công khai, minh bạch; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công.*

Đối với 5/8 chỉ số nội dung có vị trí tăng bậc so với năm 2018, gồm các chỉ số sau:

1. Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”:

Đạt 5,24/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 4,84*), xếp vị thứ 17/63 tỉnh, thành phố (*tăng 0,49 điểm, tăng 37 bậc so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình cao của cả nước, được PAPI 2019 đánh giá đạt tiến bộ đáng kể nhất. Chỉ số nội dung này có 4 chỉ số thành phần, gồm:

a) Tri thức công dân: Đạt 0,79/2,5 điểm (*giảm 0,1 điểm so với năm 2018*). Hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc tuyên truyền, phổ biến thông tin tới người dân chưa được nâng lên.

b) Cơ hội tham gia: Đạt 1,55/2,5 điểm (*tăng 0,04 điểm so với năm 2018*). Các cấp chính quyền cơ sở có tích cực hơn trong việc hỗ trợ, đôn đốc người dân thực hiện quyền tham gia bầu cử Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố.

c) Chất lượng bầu cử và tham gia bầu cử: Đạt 1,63/2,5 điểm (*giảm 0,03 so với năm 2018*), phản ánh chất lượng bầu cử, việc tham gia bầu cử và cách thức tổ chức buổi bầu cử Trưởng thôn/Tổ trưởng Tổ dân phố ở các khu dân cư chưa thực sự đảm bảo chất lượng và chặt chẽ theo quy định.

d) Đóng góp tự nguyện: Đạt 1,28/2,5 điểm (*tăng 0,49 điểm so với năm 2018*); phản ánh việc chính quyền cơ sở thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện tham gia đóng góp (thay vì ép buộc), đẩy mạnh vai trò giám sát của các Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với việc xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng tại địa phương.

2. Chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”:

Đạt 5,46/10 điểm, xếp vị thứ 2/63 tỉnh, thành phố trong toàn quốc (*tăng 1,08 điểm, tăng 60 bậc so với năm 2018*), được PAPI 2019 đánh giá là tỉnh có tỷ lệ tăng điểm lớn nhất so với năm 2018. Chỉ số nội dung này có 3 chỉ số nội dung thành phần đều nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất, gồm:

a) Tương tác với các cấp chính quyền: Đạt 2,06/3,3 điểm (*tăng 0,29 điểm so với năm 2018*), thể hiện việc giải trình, tiếp xúc và tương tác với người dân của cán bộ, công chức ở các cấp chính quyền địa phương có chiều hướng tốt hơn, thể hiện sự gần gũi, gần bó với người dân.

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân: Đạt 1,36/3,3 điểm (*tăng 0,67 điểm so với năm 2018*). Chứng tỏ chính quyền địa phương có tích cực, chủ động trong việc giải trình, phúc đáp các đề xuất, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện tốt việc ghi nhận, tiếp thu đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền của người dân.

c) Tiếp cận dịch vụ tư pháp: Đạt 2,04/3,4 điểm (*tăng 0,12 điểm so với năm 2018*). Thể hiện chính quyền địa phương thực hiện tốt hơn việc giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân; có thực hiện tốt hơn chức năng giám sát (*như việc thực hiện chính sách, pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở*).

3. Chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ công”:

Đạt 7,52/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 7,28*), xếp vị thứ 9/63 tỉnh, thành phố (*tăng 0,52 điểm, tăng 29 bậc so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước. Chỉ số nội dung này có 4 chỉ số nội dung thành phần, gồm:

a) Dịch vụ Y tế công lập: Đạt 2,1/2,5 điểm (*tăng 0,05 điểm so với năm 2018*), thể hiện người sử dụng dịch vụ bệnh viện công lập tuyến cấp huyện có cái nhìn đánh giá tương đối khách quan hơn; các dịch vụ y tế công cộng tiếp tục có nhiều tiên bộ.

b) Dịch vụ Giáo dục tiểu học công lập: Đạt 1,72/2,5 điểm (*tăng 0,44 điểm so với năm 2018*), thể hiện chất lượng dịch vụ của trường tiểu học công lập và mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ tiểu học công lập được nâng lên.

c) Cơ sở hạ tầng căn bản: Đạt 2,24/2,5 điểm (*tăng 0,08 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước, thể hiện chất lượng đường sá và vấn đề thu gom rác thải được người dân đánh giá cao.

d) An ninh, trật tự khu dân cư: Đạt 1,46/2,5 điểm (*giảm 0,06 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước, thể hiện mức độ an toàn về an ninh và trật tự khu dân cư tương đối ổn định.

4. Chỉ số nội dung “Quản trị môi trường”:

Đạt 4,11/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 3,63*), xếp vị thứ 10/63 tỉnh, thành phố (*giảm 0,68 điểm, tăng 11 bậc so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất. Nội dung này, có 3 chỉ số nội dung thành phần, gồm:

a) Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường: Đạt 0,97/3,3 điểm (*giảm 1,03 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm có điểm trung bình cao, chứng tỏ quyết tâm của các cấp chính quyền trong việc bảo vệ môi trường tại địa phương trong năm 2019 có giảm.

b) Chất lượng không khí: Đạt 2,17/3,3 điểm (*tăng 0,98 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm có điểm cao nhất, thể hiện quyết tâm của các cấp chính quyền có tăng trưởng mạnh mẽ về chất lượng không khí.

c) Chất lượng nước: Đạt 0,97/3,4 điểm (*tăng 0,19 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm có điểm cao nhất; tuy nhiên, so với điểm chuẩn vẫn còn thấp, có thể cải thiện nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

5. Chỉ số nội dung “Quản trị điện tử”:

Đạt 4,31/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 3,42*), xếp vị thứ 8/63 tỉnh, thành phố (*tăng 1,16 điểm, tăng 45 bậc so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước. Chỉ số nội dung này có 3 chỉ số nội dung thành

phần, gồm:

a) Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương: Đạt 0,43/3,3 điểm (*giảm 0,13 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước; tuy nhiên, điểm còn quá thấp so với điểm chuẩn, còn thể hiện việc người dân ít quan tâm đến các thông tin đăng tải trên cổng thông tin điện tử của chính quyền, việc sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền để tìm hiểu về quy trình, thủ tục hành chính còn rất hạn chế; mặt khác cho thấy, công tác tuyên truyền và nâng cao chất lượng hoạt động của cổng thông tin điện tử ở chính quyền cơ sở còn chưa được quan tâm đúng mức.

b) Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương: Đạt 1,95/3,3 điểm (*giảm 0,14 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước; tuy nhiên còn thể hiện mức độ cung cấp dịch vụ và sự quan tâm sử dụng internet của người dân chưa được nâng lên.

c) Phản hồi của cơ quan địa phương trên mạng Web của tỉnh (*được bổ sung thêm trong năm 2019*): Đạt 1,93/3,4 điểm, nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước, thể hiện mức độ phản hồi của cơ quan địa phương trên mạng Web của tỉnh được chú trọng.

Đối với 3/8 chỉ số nội dung có vị trí giảm bậc so với năm 2018, gồm các chỉ số sau:

1. Chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định”:

Đạt 5,29/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 5,28*), xếp vị thứ 37/63 tỉnh, thành phố (*giảm 0,11 điểm, giảm 15 bậc so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp. Chỉ số nội dung này có 4 chỉ số thành phần, gồm:

a) Tiếp cận thông tin (*được bổ sung thêm trong năm 2019*): Đạt 0,87/2,5 điểm, mặc dù điểm đạt chưa cao so với điểm chuẩn, nhưng lại nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất, chứng tỏ việc tiếp cận thông tin đã được quan tâm.

b) Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo: Đạt 1,78/2,5 điểm (*giảm 0,05 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp; thể hiện việc bình xét, công bố danh sách hộ nghèo ở các địa phương được thực hiện có công khai, minh bạch, tuy nhiên còn hạn chế so với năm 2018.

c) Công khai, minh bạch ngân sách cấp xã: Đạt 1,37/2,5 điểm (*giảm 0,11 điểm so với năm 2018*), chứng tỏ cấp chính quyền cơ sở phần nào chưa thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch trong thu, chi ngân sách cấp xã.

d) Công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất/giá đất: Đạt 1,27/2,5 điểm (*giảm 0,01 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất; thể hiện chính quyền cấp huyện và cấp xã chưa tích cực chuyên biến và chủ động hơn trong việc công khai, minh bạch kế hoạch quy hoạch sử dụng đất/giá đất và khung giá đền bù thu hồi đất.

2. Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”:

Đạt 6,72/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 6,82*), xếp vị thứ 38/63 tỉnh, thành phố (*giảm 0,04 điểm, giảm 20 bậc so với năm 2018*), nằm trong

nhóm đạt điểm trung bình thấp. Nội dung này có 4 chỉ số nội dung thành phần, gồm:

a) Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền: Đạt 1,66/2,5 điểm (*giảm 0,14 điểm so với năm 2018*), chứng tỏ tỷ lệ cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu trên địa bàn tỉnh, trong đó chủ yếu là việc dùng công quỹ vào mục đích riêng, người dân phải chi thêm tiền để được giấy CNQSD đất, cấp phép xây dựng,...

b) Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công: Đạt 2,13/2,5 điểm (*tăng 0,1 điểm so với năm 2018*), điểm cao gần điểm chuẩn, có tăng liên tục từ năm 2017 đến năm 2019, nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất cả nước, chứng tỏ có hạn chế hiện tượng tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công ở các dịch vụ y tế công và giáo dục tiểu học công lập.

c) Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công: Đạt 1,01/2,5 điểm (*giảm 0,07 điểm so với năm 2018*), điểm vẫn còn quá thấp, thể hiện các cấp chính quyền vẫn chưa đảm bảo công bằng trong tuyển dụng nhân lực vào khu vực công và đơn vị cung ứng dịch vụ công.

d) Quyết tâm chống tham nhũng: Đạt 1,92/2,5 điểm (*tăng 0,07 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình cao, kết quả này cho thấy những nỗ lực kiểm soát, quyết tâm chống tham nhũng của tỉnh đến nay bước đầu đem lại nhiều kết quả tích cực.

3. Chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công”:

Đạt 7,2/10 điểm (*điểm trung bình toàn quốc là 7,35*), xếp vị thứ 47/63 tỉnh, thành phố (*giảm 0,17 điểm, giảm 12 bậc so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp. Chỉ số nội dung này có 4 chỉ số nội dung thành phần, gồm:

a) Dịch vụ chứng thực, xác nhận: Đạt 1,82/2,5 điểm (*tăng 0,49 điểm so với năm 2018*), thể hiện chất lượng dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền cấp huyện, cấp xã; thái độ tiếp dân, mức độ thạo việc của công chức đang được nâng cao.

b) Dịch vụ cấp phép xây dựng: Đạt 1,73/2,5 điểm (*giảm 0,14 điểm so với năm 2018*), nằm trong nhóm đạt điểm thấp nhất; như vậy, việc cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh cho người dân chưa đảm bảo thực hiện tốt và chưa đúng theo quy định.

c) Dịch vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSD đất): Đạt 1,76/2,5 điểm (*giảm 0,08 điểm so với năm 2018*), thể hiện chất lượng cung cấp các dịch vụ và thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy CNQSD đất cho cá nhân và hộ gia đình có chiều hướng chưa tốt hơn trước.

d) Dịch vụ hành chính ở cấp xã: Đạt 1,89/2,5 điểm (*giảm 0,01 điểm so với năm 2018*), điều này thể hiện chất lượng, mức độ hiệu quả trong việc cung ứng dịch vụ thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn chưa cao, còn nhiều hạn chế, nhất là chất lượng dịch vụ xử lý các thủ tục liên quan đến cá nhân hoặc hộ gia đình.

B. KẾ HOẠCH DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PAPI NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục duy trì và góp phần thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 ban hành tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.

b) Tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công của tỉnh năm 2020.

c) Nâng cao hơn nữa mức độ hài lòng của người dân đối với nền hành chính nói chung, cũng như các dịch vụ công và cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm phục vụ người dân nói riêng.

2. Mục tiêu cụ thể

Có biện pháp để tiếp tục duy trì tỉnh Thừa Thiên Huế nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất của cả nước và cố gắng vươn lên hơn nữa.

II. NHIỆM VỤ

1. Sở Nội vụ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ trên địa bàn tỉnh; kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã. Qua đó, kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn khắc phục những tồn tại, hạn chế trong hoạt động tại các Trung tâm Hành chính công và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã.

b) Tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp tập huấn công tác cải cách hành chính và quy trình tiếp nhận, giải quyết và giao trả kết quả giải quyết TTHC cho công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả ở cấp xã. Chú trọng hơn nữa về kỹ năng tiếp xúc với người dân, tổ chức trong thực thi công vụ và năng lực thừa hành các nhiệm vụ được giao trong xử lý thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công cho người dân, thực hiện tốt phương châm “Thân thiện - Đơn giản - Đúng hẹn” mà lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân các cấp, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh đề ra.

c) Chú trọng việc lựa chọn các địa phương để tiến hành điều tra, khảo sát liên quan đến các nội dung đạt điểm thấp như: Công khai, minh bạch; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công để tìm ra nguyên nhân, giải pháp khắc phục các điểm hạn chế, từ đó tạo điều kiện tiếp tục duy trì và nâng cao vị thứ xếp hạng Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh năm 2020.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ISO và ý

kiến chỉ đạo thực hiện của lãnh đạo tỉnh đối với các ngành, địa phương trên toàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tiếp tục rà soát lại toàn bộ trường Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh; báo cáo hiện trạng và tập trung vào các tiêu chí sau: Lớp học là nhà kiên cố; nhà vệ sinh sạch sẽ; học sinh có nước uống sạch ở trường; học sinh không phải học ca ba; giáo viên không ưu ái học sinh học thêm; giáo viên có trình độ sư phạm tốt; phụ huynh thường xuyên nhận được phản hồi; nhà trường công khai việc thu, chi với phụ huynh học sinh...

b) Có kế hoạch trình UBND tỉnh xem xét nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ của trường Tiểu học công lập tại tỉnh trong thời gian sắp đến.

3. Sở Y tế

a) Tiếp tục rà soát lại toàn bộ hệ thống Bệnh viện công lập tuyến cấp huyện; báo cáo hiện trạng và tổ chức hoạt động, tập trung vào các tiêu chí sau: Người bệnh không phải nằm chung giường; phòng bệnh có quạt máy; nhà vệ sinh sạch sẽ; cán bộ y tế trực thường xuyên; thái độ phục vụ bệnh nhân tốt; chi phí khám chữa bệnh hợp lý; không phải chờ đợi quá lâu; khởi hẳn bệnh khi xuất viện; bác sĩ không chỉ định điếm mua thuốc; hài lòng với dịch vụ y tế ở bệnh viện....

b) Có kế hoạch trình UBND tỉnh xem xét, nâng cấp hệ thống Bệnh viện công lập tuyến cấp huyện nhằm đảm bảo phục vụ tốt hơn nhu cầu và chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, quan tâm, phối hợp các cơ quan có liên quan tăng cường chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện niêm yết công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù thu hồi đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư,... để người dân biết, tiếp cận, thực hiện và giám sát thực hiện. Tăng cường kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và giải quyết các chế độ chính sách xã hội theo đúng quy trình, thủ tục quy định; đánh giá mức độ tham gia và hưởng lợi của người dân trên địa bàn trong lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

6. Thanh tra tỉnh

Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, hướng dẫn thực hiện tốt trách nhiệm giải trình với người dân. Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh;

đồng thời công khai rộng rãi kết quả xử lý đối với tổ chức, cá nhân gây khó khăn, những nhiễu, tiêu cực để người dân biết.

7. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

a) Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, những quy định của pháp luật liên quan đến việc cung cấp dịch vụ công... trong cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao nhận thức, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngành phụ trách nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã.

c) Thường xuyên kiểm tra, đặc biệt chú trọng kiểm tra đột xuất; tham mưu chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, thiếu sót về chuyên môn thuộc lĩnh vực phụ trách, quản lý đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung, kết quả thực hiện Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công hàng năm của tỉnh đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; chỉ đạo rà soát để khắc phục những hạn chế, yếu kém qua kết quả khảo sát năm 2019.

b) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn nâng cao hiệu quả thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, gắn với đẩy mạnh công khai, lấy ý kiến người dân trong quy trình xét hộ nghèo; công khai, minh bạch các khoản thu, chi ngân sách của xã, phường, thị trấn...

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng cấp xã và tuyên truyền để người dân biết, giám sát, kiểm tra.

9. UBND các xã, phường, thị trấn

a) Phối hợp với UBMTTQ Việt Nam cùng cấp:

- Thông tin cho người dân biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia bầu cử (Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng,...) tại địa phương.

- Thường xuyên tuyên truyền phổ biến cho người dân biết được hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Định kỳ hàng năm cần phải công bố công khai: Danh sách hộ nghèo (đảm bảo đúng đối tượng); thu, chi ngân sách của địa phương theo đúng quy định; bản đồ quy hoạch, khung giá bồi thường thu hồi đất,... Niêm yết ở những nơi người dân dễ dàng tiếp cận, tránh niêm yết trong trụ sở cơ quan một cách hình thức.

c) Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của người dân; tích cực, chủ động trong việc chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, địa phương

có liên quan giải trình, phúc đáp các đề xuất, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

d) Thường xuyên phổ biến, quán triệt cho người dân hiểu rõ về các văn bản: Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã/phường/thị trấn; Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Đất đai; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Tiếp công dân, Luật Tiếp cận thông tin...

đ) Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến và tích cực hỗ trợ, đôn đốc người dân thực hiện quyền tham gia bầu cử trước khi tổ chức bầu cử các cấp. Đổi mới các biện pháp huy động quyền tham gia bầu cử và ra quyết định của người dân thông qua việc tuân thủ các nguyên tắc bầu cử và quy trình tham vấn người dân và cộng đồng theo quy định của pháp luật.

e) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết tốt các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực liên quan đến người dân như: chứng thực, xác nhận của chính quyền, đất đai, cấp giấy phép xây dựng, các thủ tục hành chính cấp xã...; tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức đã được quy định trong khâu hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Thực hiện nghiêm yết công khai các TTHC đã được UBND tỉnh công bố tại trụ sở, trên Cổng thông tin điện tử và tại nơi đông người (nhà văn hóa, nhà thờ,...); đa dạng hóa hình thức niêm yết để thuận tiện cho việc tìm hiểu, tra cứu của cá nhân, tổ chức khi đến giải quyết các TTHC. Thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp trễ hạn hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân; đồng thời xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

f) Duy trì thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã; cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời, nhất là những vấn đề về tình hình kinh tế - xã hội và các nội dung khác có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân để thu hút sự quan tâm theo dõi của nhân dân tại địa phương.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung các văn bản: Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Đất đai; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Tiếp công dân, Luật Tiếp cận thông tin...

b) Rà soát và tìm biện pháp tăng cường hiệu quả của các thiết chế đảm bảo trách nhiệm giải trình của chính quyền với người dân, trong đó có Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Định kỳ hàng năm, khi nhận được Kế hoạch điều tra, khảo sát về PAPI phối hợp với Sở Nội vụ để kịp thời nắm bắt được thông tin nhằm cung cấp số liệu về đối tượng cần điều tra, khảo sát cho phù hợp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Thực hiện và phối hợp thực hiện đúng yêu cầu theo nhiệm vụ đã nêu.

b) Báo cáo định kỳ về việc tổng hợp theo quy định của tỉnh, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 30/8 hàng năm, nhằm phục vụ công tác đánh giá Chỉ số PAPI chính xác, khách quan.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, các địa phương, đơn vị có khó khăn, vướng mắc, liên hệ Sở Nội vụ để được hướng dẫn kịp thời.

2. Sở Nội vụ thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan có liên quan báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này để tổng hợp, phân đấu duy trì và nâng cao vị thứ xếp hạng đối với Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2020; báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý những đơn vị, địa phương không thực hiện hoặc chậm thực hiện những nhiệm vụ đã nêu tại Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- BTV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, TĐKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ